

Bản án số: 378/2017/HS-PT

Ngày 24 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đức Phương

Các Thẩm phán: Ông Đặng Quốc Kkời

Ông Phạm Văn Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Kim Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 249/2017/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo Ngô Thị Lệ T. Do có kháng cáo của bị cáo Ngô Thị Lệ T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

*** Bị cáo có kháng cáo:** Ngô Thị Lệ T, sinh năm 1977 (có mặt). Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Trình độ học vấn: 04/12. Nghề nghiệp: Kinh doanh. Con ông Ngô Văn Cảnh và bà Nguyễn Thị Xuân. Có chồng là Nguyễn Duy Cảnh và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2010. Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/7/2016.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Luật sư Phạm Văn M, Tộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

*** Người bị hại:**

1. Bà Lê Thị H1, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, phường NT, thị xã G, tỉnh Đắk Nông.

2. Bà Nguyễn Thị Thu T1, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 9, xã NC, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

3. Bà Nguyễn Thanh N, sinh năm 1977 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn ĐA, huyện Đ S, tỉnh Đắk Nông.

4. Bà Ngô Thị T2, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn QT, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

5. Bà Võ Thị L, sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn QT, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

6. Bà Nguyễn Thị T H2, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn 2, xã NĐ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

7. Bà Nguyễn Thị Tường V, sinh năm 1973 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn2, xã NĐ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo cáo trạng của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông và bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông, hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị Lệ T tóm tắt như sau:

Từ năm 2004, bị cáo T làm nghề buôn bán nông sản trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Do không có vốn nên bị cáo T chủ yếu vay tiền của một số người quen hoặc thỏa Thuận chốt giá bán hàng nông sản với các đại lý và ứng trước tiền để T mua rồi giao hàng sau. Từ tháng 3/2016, thấy việc buôn bán không có lãi nên sau khi nhận tiền thông qua hình thức vay và ứng tiền từ các đại lý, bị cáo T không trả tiền và giao hàng như cam kết mà bỏ trốn để không phải trả nợ cho một số người cụ thể như sau:

Về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản:

Khoảng đầu tháng 3/2016, bị cáo T vay của bà Lê Thị H1 (sinh năm 1960, trú tại Tổ dân số 9, phường NT, thị xã G) 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa Thuận là 3.000 đồng/01 triệu đồng/ngày và thế chấp giấy đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 86C-04.222, số tiền này T đã trả cho bà H1 nhưng sau đó lại vay tiếp. Tính đến ngày 07/4/2016, T vẫn còn nợ bà H1 số tiền 200.000.000 đồng. Chiều ngày 07/4/2016, bị cáo T cùng chồng là Nguyễn Duy C đến gặp bà H1 vay thêm 300.000.000 đồng, cộng với số nợ cũ 200.000.000 đồng nên bà H1 yêu cầu T viết vào sổ mua bán của bà H1 với nội dung T vay của bà H1 500.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/01 triệu đồng/ngày, hẹn trong 10 ngày sẽ trả. Khoảng 16 giờ ngày 11/4/2016, T tiếp tục đến gặp bà H1 vay thêm 300.000.000 đồng với lãi suất thỏa Thuận 3.000 đồng/01 triệu đồng/ngày và hẹn 05-07 ngày sau sẽ trả.

Ngày 08/4/2016, T vay của bà Nguyễn Thị Thu T1 (sinh năm 1969, trú tại thôn 9, xã NC, huyện Đ) 120.000.000 đồng lãi suất 2.000 đồng/01 triệu/ngày, các bên không làm giấy tờ vay và thỏa Thuận 03-04 ngày sau T sẽ trả. Đến ngày 14/4/2016, T trả cho bà T1 50.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng, T hẹn đến ngày 18/4/2016 sẽ trả.

Ngày 14/4/2016, T gọi điện thoại cho bà Nguyễn Thanh N (sinh năm 1977, trú tại tổ dân phố 6, thị trấn ĐA, huyện ĐS) để chốt giá bán 02 tấn tiêu giá 148.500 đồng/kg và yêu cầu bà N phải cho T ứng trước 300.000.000 đồng, T hẹn

đến sáng ngày 15/4/2016 sẽ giao đủ 02 tấn tiêu. Khoảng 17 giờ cùng ngày, bà N đi cùng với Nguyễn Kim A (chị gái của bà N) đến quán nước gần Nhà thờ Nhân Cơ, Thuộc xã NC, huyện Đ đã giao cho T 150.000.000 đồng, hẹn sáng ngày 15/4/2016, khi T giao đủ tiêu sẽ thanh toán số tiền còn lại. Bà N ghi vào sổ nội dung “Ngày 14/4/2016, T chót tiêu và ứng 150.000.000 đồng”, T ký tên xác nhận. Tối ngày 14/4/2016, do con gái út của T là cháu Nguyễn Thị Trúc Ly bị sốt nên T cùng chồng đưa cháu đi bệnh viện Nhiệt Đới tại thành phố Hồ Chí Minh điều trị nên T nói với bà Nga sẽ mua tiêu giao cho bà N sau khi trở về Đăk Nông nhưng T không thực hiện.

Tổng số tiền T đã vay và chót tiêu của những người trên là 1.020.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền, T sử dụng cá nhân hết, đến thời hạn trả nợ T không có khả năng nên đã bỏ trốn khỏi địa phương nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền trên.

Về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản: Để có tiền trước khi bỏ trốn, T nảy sinh ý định đến các bạn hàng chót giá bán hàng nông sản và lấy tiền của một số người và bỏ trốn như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 17/4/2016, T đi gặp bà Ngô Thị T2 (sinh năm 1970, trú tại: Thôn QT, xã N, huyện Đ) thỏa Tận bán 05 tấn cà phê nhân với giá 34.000 đồng/kg, hẹn trong buổi tối hoặc chiều ngày 17/4/2016 sẽ giao đủ 05 tấn cà phê cho bà T2. Do đã nhiều lần cho T ứng tiền mua hàng như vậy nên bà T2 tin tưởng cho T ứng trước toàn bộ số tiền 170.000.000 đồng để mua cà phê. Bà T2 viết vào sổ nội dung “Ngày 17/4/2016, em T có ứng chị T2 số tiền 170.000.000 đồng, chót cà giá 34.000 đồng/kg chưa giao cà, hẹn chiều giao cà” và đưa cho T ký tên xác nhận bên dưới. Cùng ngày 17/4/2016, sau khi lấy tiền của bà T2, T tiếp tục đi gặp bà Võ Thị L (sinh năm 1958, trú tại: Thôn QT, xã N, huyện Đ) để thỏa thuận sẽ bán cho bà L 02 tấn tiêu giá 148.000 đồng/kg và yêu cầu bà L cho T ứng trước số tiền 300.000.000 đồng, hẹn đến tối ngày 17/4/2016 sẽ giao đủ tiêu cho bà L. T ghi vào sổ mua bán rau bà L nội dung “T bán bà L 02 tấn tiêu giá 148.000 đồng/kg, T nhận 300.000.000 đồng chưa giao tiêu” rồi T ký tên xác nhận bên dưới. Sau đó, bà L đưa cho T số tiền 300.000.000 đồng. T tiếp tục đến nhà bà Nguyễn Thị Thu H2 (sinh năm 1978, trú tại Thôn 2, xã NĐ, huyện Đ) để thỏa thuận sẽ bán cho bà H2 03 tấn tiêu với giá 148.000 đồng/kg và yêu cầu bà H2 cho T ứng trước số tiền 300.000.000 đồng, hẹn đến tối ngày 17/4/2016 sẽ giao đủ 03 tấn tiêu cho bà H2. Bà H2 viết vào sổ mua bán với nội dung “Ngày 17/4/2016, T nhận của H2 300.000.000 đồng” rồi T ký tên xác nhận bên dưới, sau đó bà H2 giao cho T số tiền 300.000.000 đồng. Sau đó, T đi bộ một mình sang nhà bà Nguyễn Thị Tường V (sinh năm 1973, trú tại: Thôn 2, xã NĐ, huyện Đ) thỏa thuận sẽ bán cho bà V 02 tấn tiêu giá 148.000 đồng/kg và yêu cầu bà V cho T ứng trước tiền, hẹn chiều hoặc tối ngày 17/4/2016 sẽ giao đủ tiêu. Do bà V không còn đủ tiền nên chỉ cho T ứng trước số tiền 96.000.000 đồng. Bà V ghi vào sổ mua bán của bà V nội dung T bán 02 tấn tiêu cho bà V và đã ứng trước 96.000.000 đồng nhưng chưa giao tiêu rồi đưa T ký xác nhận nhưng hiện nay bà V đã làm thất lạc giấy này.

Do đã có ý định chiếm đoạt từ trước nên sau khi nhận được tổng số tiền 866.000.000 đồng nêu trên, T không thực hiện việc mua hàng và giao hàng như

cam kết mà đến tối ngày 17/4/2016, T bỏ trốn khỏi địa phương và sử dụng số tiền chiếm đoạt vào mục đích cá nhân.

Ngày 27/7/2016, bị cáo T bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Nông bắt giữ.

Tại bản án sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 12/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông quyết định:

Tuyên bố bị cáo bố bị cáo Ngô Thị Lệ T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Ngô Thị Lệ T 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1, 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 4 Điều 140; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Ngô Thị Lệ T 13 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung 25 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 27/7/2016.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về bồi thường trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 18/4/2017, bị cáo Ngô Thị Lệ T kháng cáo cho rằng không phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và đề nghị giảm nhẹ hình phạt đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” như bản án sơ thẩm là đúng người, đúng tội, không oan, tổng số tiền chiếm đoạt của người bị hại là 866.000.000 đồng. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Bị cáo là lao động chính, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đã tự nguyện bồi thường thiệt hại được 10.000.000 đồng, bị cáo hiện đang mắc một số bệnh như tim mạch, sỏi túi mật...Ngoài các tình tiết nêu trên, bị cáo T xác định không còn có tình tiết giảm nhẹ nào khác.

Đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, bị cáo T cho rằng hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng. Mục đích đi khỏi địa phương tối ngày 17/4/2016 là để chiếm đoạt số tiền của bà H1, bà T1 và bà N với tổng cộng là 1.020.000.000 đồng.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T trình bày:

Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử bị cáo T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng về tội danh và hình phạt. Đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”: Bị cáo T không phạm tội này, do việc ứng tiền của bà N để mua tiêu là thỏa Thuận dân sự. Số tiền vay của bà H1 với lãi suất 3.000 đồng/01 triệu/ngày và vay của bà T1 với lãi suất 2.000 đồng/01 triệu/ngày là cao hơn lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự nhưng chưa được xem xét làm rõ. Giấy vay nợ của bà H1, bà T1 không ghi ngày trả nợ cụ thể. Bị cáo không có hành vi bỏ trốn dotrước khi đi khỏi địa phương, bị cáo đã có đơn báo Công an xã N. Vì vậy, đề nghị Hội đồng

xét xử tuyên bố bị cáo T không phạm tội “Lạm dụng tính nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đồng thời đình chỉ xét xử đối với tội danh trên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Việc bị cáo T vay tiền của bà H1, bà T1 với lãi suất cao không làm thay đổi hành vi phạm tội của bị cáo. Sau khi nhận được tiền của bà H1, bà T1 và bà N thì bị cáo T mới nảy sinh ý định bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền 1.020.000.000 đồng của các người bị hại nêu trên. Tại phiên tòa, bị cáo T cũng thừa nhận hành vi bỏ trốn ngày 17/4/2016 nhằm chiếm đoạt tài sản. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự, bác đơn kháng cáo của bị cáo T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người bào chữa cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Bị cáo Ngô Thị Lệ T kháng cáo đúng quy định tại các Điều 231, 233, 234 Bộ luật tố tụng hình sự nên vụ án được xem xét lại theo trình tự phúc thẩm.

Thấy rằng: Qua xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa, bị cáo T đã thừa nhận hành vi lừa đảo chiếm đoạt 866.000.000 đồng, gồm chiếm đoạt của bà Ngô Thị T2 170.000.000 đồng, bà Võ Thị L 300.000.000 đồng, bà Nguyễn Thị Thu H2, 300.000.000 đồng và bà Nguyễn Thị Tường V 96.000.000 đồng. Tại phiên tòa, Luật sư bào chữa cho bị cáo T cũng xác định Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng tội danh và hình phạt. Đối chiếu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Bị cáo T đã dùng thủ đoạn gian dối bằng hình thức chốt giá bán tiêu, cả phê để ứng trước tiền của người bị hại. Sau khi nhận được tiền, bị cáo T không thực hiện việc bán tiêu, cả phê như đã cam kết nhằm chiếm đoạt số tiền 866.000.000 đồng của bà T2, bà L2, bà H2 và bà V. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 140 của Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Hành vi của bị cáo T là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của công dân, gây tác hại xấu đến đời sống xã hội tại địa phương. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông tuyên bố bị cáo T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tuyên phạt 12 năm tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải.

Đối với tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”:

Tại phiên tòa, bị cáo T xác nhận có vay của bà H1 800.000.000 đồng, vay của bà T1 70.000.000 đồng và ứng tiền của bà N1 150.000.000 đồng, tổng cộng là 1.020.000.000 đồng. Bị cáo T cũng thừa nhận ngày 17/4/2016 đã bỏ trốn khỏi địa phương nhằm chiếm đoạt số tiền của những người bị hại nêu trên. Lời khai của bị cáo T phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cụ thể: Tại bản bản lời khai ngày 25/7 và ngày 28/7/2016 (bút lục 89, 108), T khai: T đi tối ngày 17/4/2016, mục đích để trốn nợ, T thay sim điện thoại khác, Cảnh không dùng điện thoại...Sau đó, dùng số tiền đó để trả nợ và bỏ trốn. Bản khai ngày 29/9/2016 (bút

lục 121), T khai: “Đối với số tiền vay của bà H1, đến ngày trả nợ tôi mới nảy sinh ý định trốn để chiếm đoạt”. Bản khai 01/12/2016 (bút lục 120), T khai: “Tôi ngày 17/4/2016, tôi và chồng tôi đã bỏ trốn khỏi địa phương”. Bản khai ngày 09/12/2016 (bút lục 135), T khai: “Sau khi nhận tiền, tôi trốn khỏi địa phương”. Bản khai ngày 29/12/2016 (bút lục 138), T khai: “Lý do bỏ trốn ngày 17/4 là nhằm chiếm đoạt của bà H1, bà N, do không có tiền nên phải trốn để chiếm đoạt số tiền trên”. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 12/4/2017 (bút lục 473), bị cáo T khai: Bị cáo bỏ đi khỏi địa phương, lý do không có tiền trả nợ nên trốn. Trốn tại Bình Phước, Thành phố Hồ Chí Minh, Vũng Tàu, không liên lạc với người cho vay”. Lời khai của bị cáo T cũng phù hợp với lời khai của ông Cảnh là chồng bị cáo T tại bản khai ngày 25/7/2016 (bút lục 234): “Tôi và vợ vào trong rẫy của Hồng ở để tránh việc chủ nợ tìm đến để đòi tiền” và đơn thỉnh cầu của ông Cảnh có xác nhận của UBND xã N ngày 10/4/2017 (bút lục 458) có nội dung: “Vợ tôi là Ngô Thị Lê T phải bỏ gia đình đi để tránh nợ vì chưa có điều kiện để trả nợ cho bà con”. Như vậy, trong suốt quá trình tố tụng tại cơ quan điều tra cũng như phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm bị cáo T đều thừa nhận có hành vi trốn khỏi địa phương nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của những người bị hại.

Về nội dung bào chữa của Luật sư cho bị cáo T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại bản khai ngày 20/10/2016 (bút lục 126), T khai: Chiều ngày 17/4/2016, sau khi đã ứng tiền, T nhờ Hòa Thị Hiền (là em dâu) đưa đơn gửi Công an xã N, nội dung xin rời khỏi địa phương để tìm những người trả nợ tiền. Mục đích để thông báo cho mọi người biết rời địa phương để tìm người nợ về trả cho họ để họ không tố cáo. Tuy nhiên, tại bản khai ngày 19/4/2016 (bút lục 253), chị Hiền trình bày: “Lần gần đây nhất tôi gặp Ngô Thị Lê T là ngày 10/4/2016...sau đó thì tôi không gặp lại chị T”. Như vậy, không có căn cứ xác định T đã nhờ chị Hiền chuyển đơn cho Công an xã N vào ngày 17/4/2016. Hơn nữa, theo T trình bày thì đơn có nội dung đi tìm người nợ nhưng bản khai tại cơ quan điều tra T trình bày có người tên Dung ở Bảo Lộc còn thiếu tiền nhưng T không biết địa chỉ và đã tìm rồi nhưng không thấy. Trong khi đó, thực tế bị cáo T đã trốn tại Bình Phước, Thành phố Hồ Chí Minh trước khi đến xã H, huyện X, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, tại đây, T cùng ông Cảnh và các con ở tại rẫy của chị Hồng (em T) nhưng không đăng ký tạm trú, không báo cáo xã Hòa Hiệp biết (theo xác nhận của Công an xã H ngày 26/7/2016 (bút lục 326) mà không về nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và là nơi cư trú của bị cáo tại xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Như vậy, mặc dù tại đơn kháng cáo, bị cáo T cho rằng không phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” nhưng tại phiên tòa, bị cáo T đã thừa nhận hành vi bỏ trốn nhằm chiếm đoạt tiền vay, ứng trước của bà H1, bà T1 và bà N. Hành vi của bị cáo T là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của công dân, gây tác hại xấu đến đời sống xã hội tại địa phương. Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông tuyên bố bị cáo T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và tuyên phạt 13 năm tù là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và nội dung bào chữa của luật sư bào chữa cho bị cáo T; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo Ngô Thị Lệ T.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 14/2017/HSST ngày 12/4/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Tuyên bố bị cáo **Ngô Thị Lệ T** phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” và tội “**Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản**”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Ngô Thị Lệ T **12** năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7; khoản 1, 4 Điều 175 của Bộ luật hình sự năm 2015; điểm a khoản 4 Điều 140; các điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Ngô Thị Lệ T **13** năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt của 02 tội, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung là **25** năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 27/7/2016.

Về án phí: Bị cáo Ngô Thị Lệ T phải chịu 200.000 (*Hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 24 tháng 7 năm 2017)/.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Cục THA tỉnh Đắk Nông;
- Đ/s (theo đ/c 9);
- Lưu (03 VT, 02 HS) HTKN (19).

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Đức Phương